

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MT
TỈNH VINH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2025/HNGĐ – ST**

Ngày: 18-3-2025

Về việc xin ly hôn, nuôi con,
cấp dưỡng, chia tài sản chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phẩm
Ông Lê Thành Tam

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít: không tham gia

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: **274/2024/ TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024**. về việc: “*Xin ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng, chia tài sản chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **/2025/QĐST – HNGĐ, ngày tháng năm 2025**, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị **Võ Kim N**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Khóm D, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: anh **Nguyễn Thanh D**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp A, xã C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Kim N trình bày:*** Tôi và anh D do quen biết, tìm hiểu được cha mẹ hai bên chấp thuận đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2022 và có đăng ký kết tại UBND xã C vào ngày 05/4/2022.

Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn hay cự cãi nhau do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Cha, mẹ hai bên đã hòa giải, khuyên can nhiều lần nhưng tôi không còn tình cảm vợ chồng nên không thể đoàn tụ cùng anh D để chăm lo cho con. Từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không khắc phục được nên chúng tôi

đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Nay tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ vợ chồng: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Thanh D.

- Về con chung: Vợ chồng chúng sống có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 17/9/2023 hiện nay do tôi trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, tôi yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 01/01/2025.

- Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung:

+ Về tiền chuyển khoản trong thời kỳ hôn nhân: tôi xác định anh D có chuyển vào tài khoản của tôi nhưng không biết có phải là 159.000.000 đồng hay không thì tôi không xác định. Đối với số tiền này thì trong thời gian chung sống tôi đã chuyển trả lại tài khoản của anh D là 68.100.000 đồng, trừ chi phí sinh hoạt trong 02 năm là năm 2022 và năm 2023 tổng cộng là 60.000.000 đồng. Số tiền chuyển khoản của anh D cho tôi hiện nay tôi đã sử dụng hết nên không đồng ý chia cho anh D theo yêu cầu của anh D. Những nội dung anh D có chuyển có một số là chuyển tặng cho tôi nên tôi có quyền sử dụng cho cá nhân tôi. Ngoài các chứng cứ tôi đã cung cấp cho Tòa án tôi không còn chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án.

+ Về vàng cưới là 17 chỉ vàng 24k tôi trực tiếp quản lý. Sau khi ly thân với anh D do tôi không có việc làm nên đã bán 14 chỉ vàng nhưng vào thời gian nào thì tôi không nhớ, để lo mọi chi phí cho con tôi từ đầu năm 2024 cho đến nay. Do đó hiện nay tôi chỉ còn giữ 03 chỉ vàng 24k và 50.000.000 đồng tiền mặt sau khi vàng tiêu xài còn dư, tôi đồng ý chia lại cho anh D 1,5 chỉ vàng 24k và 25.000.000 đồng. Khi bán vàng tôi không có hỏi ý kiến của anh D do chúng tôi đã ly thân và bán để lo chi phí cho con hàng ngày nên tôi cũng không có chứng cứ gì chứng minh ngoài lời tôi vừa trình bày như trên để cung cấp cho Tòa án chứng minh cho yêu cầu của tôi.

- Nợ chung, nợ lại: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết bị đơn Nguyễn Thanh D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi thừa nhận 02 bên chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào ngày 05/4/2022 như chị N trình bày là đúng. Tôi xác định hiện nay tôi không còn tình cảm vợ chồng với chị N, nên việc chị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với tôi, tôi đồng ý.

- Về con chung: tôi đồng ý giao con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 17/9/2023 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, tôi chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.200.000 đồng, thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 01/01/2025 đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

- Quyền và nghĩa vụ về tài sản chung:

- Về tiền mặt chuyển khoản tôi đã chuyển trong thời kỳ hôn nhân cho chị N giữ tổng cộng là 159.000.000 đồng tính đến cuối năm 2023, vì chúng tôi ly thân từ tháng 02/2024 cho đến nay. Sau đó chị N có chuyển trả lại cho tôi khoản 66.000.000 đồng, thống nhất trừ chi phí sinh hoạt trong 02 năm như tôi đã trình bày tại biên bản hoà giải ngày 19/12/2024 chung sống là 50.000.000 đồng, tôi không đồng ý trừ 60.000.000 đồng như chị N trình bày. Vì khi chung sống mọi sinh hoạt trả tiền cố định hàng tháng như nhà trọ, tiền nước, tiền điện.....tôi chỉ trả hết dư ra tôi mới chuyển vào tài khoản của chị N để tích lũy. Chị N chỉ chi phí ăn uống hàng ngày và các nhu yếu phẩm khác sử dụng cho sinh hoạt trong gia đình, do đó tôi tính trung bình mỗi tháng chị N chỉ là 4.000.000 đồng thì tôi chịu 2.000.000 đồng còn tiền lương chị N chịu là 2.000.000 đồng là hợp lý chị N yêu cầu thêm 10.000.000 đồng nên tôi không đồng ý. Còn lại là 43.000.000 đồng, tôi đồng ý tự trừ chi phí nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng trừ cho 11 tháng (tính từ tháng 02/2024 đến tháng 12/2024) là 22.000.000 đồng. Như vậy hiện nay số tiền này còn là 21.000.000 đồng khi ly hôn tôi yêu cầu chia đôi, yêu cầu Toà án buộc chị N chia cho tôi là 10.500.000 đồng. Ngoài các chứng cứ tôi đã cung cấp cho Toà án tôi không còn chứng cứ gì thêm cung cấp cho Toà án.

Về tài sản chung: 17 chỉ vàng 24 k sau khi ly thân chị N trực tiếp quản lý. Chị N trình bày đã bán 14 chỉ vàng để lo cho con thì tôi không đồng ý. Vì khi chị N bán vàng cưới chị N không hỏi qua ý kiến của tôi. Chị N trình bày là lo chi phí nuôi là không hợp lý vì khi ly thân thì N sinh con mới có 04 tháng nay con tôi mới có 15 tháng tuổi, chủ yếu là sữa mẹ và ăn nhẹ nên chưa có chi phí gì cao và tôi cũng có phụ nuôi con là con chở con đi tiêm vắc xin. Tiền mặt tôi chuyển cho chị N vẫn còn thì không có căn cứ nào chị N sử dụng đến vàng cưới để lo cho con. Do đó đây là trình bày không hợp lý nên tôi yêu cầu Toà án giải quyết buộc chị N chia tài sản chung là 17 chỉ vàng 24k, chia cho tôi 8,5 chỉ vàng

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Võ Kim N giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu khởi kiện

Bị đơn anh Nguyễn Thanh D giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu của anh D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Kim N và Nguyễn Thanh D kết hôn theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C vào ngày 05/4/2022. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Chị N và anh D thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, đã không còn sống chung với nhau khoảng một năm nay, vợ chồng không thể hàn gắn được nên theo yêu cầu ly hôn của chị N thì anh D cũng đồng ý. Do đó việc thuận tình ly hôn giữa chị N và anh D là hoàn toàn tự nguyện,

có căn cứ và phù hợp với 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Về con chung: chị N và anh D thỏa thuận: giao con chung tên Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 17/9/2023 cho chị N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Thống nhất thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/01/2025 đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị N yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng; anh D không đồng ý chỉ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình giải quyết anh D đồng ý cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng nhưng sau đó và tại phiên tòa hôm nay không đồng ý là không có căn cứ nên buộc anh D cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng là phù hợp với Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung:

-Về số tiền chuyển khoản:

Chị N và anh D xác định: anh D đã chuyển vào tài khoản chị N số tiền là 159.000.000 đồng, chị N cho rằng đã chuyển trả anh D 68.100.000 đồng, anh D xác định chị N chuyển trả 66.000.000 đồng, chị N không có chứng cứ chứng minh nên xác định chị N chuyển trả cho anh D số tiền là 66.000.000 đồng, chị N cho rằng trừ chi phí sinh hoạt trong 02 năm 2022 và 2023 là 60.000.000 đồng nhưng anh D chỉ đồng ý 50.000.000 đồng, như vậy số tiền còn lại là 43.000.000 đồng (159.000.000 đồng - 66.000.000 đồng - 50.000.000 đồng) chị N cho rằng sau khi vợ chồng không còn sống chung chị sử dụng vào việc nuôi con là có căn cứ, xét số tiền 159.000.000 đồng hiện nay không còn nên việc anh D yêu cầu chia 10.500.000 đồng là chưa có cơ sở nên không được chấp nhận.

-Về số vàng cưới: chị N và anh D xác định vợ chồng có số vàng cưới là 17 chỉ vàng 24k, sau khi ly thân chị N quản lý.

Anh Dũng yêu cầu chị N chia đôi. Chị N cho rằng sau khi ly thân chị đã bán 14 chỉ để lo mọi chi phí cho con từ đầu năm 2024 cho đến nay. Tại phiên tòa chị N cho rằng chỉ còn giữ 03 chỉ và 25.000.000 đồng tiền mặt sau khi bán vàng tiêu xài còn dư, chỉ đồng ý chia lại cho anh D 1,5 chỉ vàng 24K.

Xét lời trình bày của N là không có căn cứ bởi lẽ khi chị N bán vàng trong thời kỳ hôn nhân và không có sự đồng ý của anh D, do đó xét chị N chỉ đồng ý chia cho anh D 1,5 chỉ vàng 24k là không có cơ sở để xem xét.

Xét số vàng cưới là 17 chỉ vàng 24k là tài sản chung hợp nhất của vợ chồng được quy định các Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, anh D yêu cầu chia đôi: chị N được hưởng 8,5 chỉ; anh D được hưởng 8,5 chỉ là có cơ sở được chấp nhận nên buộc chị N có trách nhiệm hoàn lại cho anh D 8,5 chỉ vàng 24 K (loại 9999) là phù hợp.

[4]Về án phí: Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị N tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm và phải nộp 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản được chia số tiền là 4.037.000 đồng ($8,5 \text{ chỉ} \times 9.500.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ chỉ} = 80.750.000 \text{ đồng} \times 5\%$)

Anh D phải nộp 5% án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản được chia số tiền là 4.037.000 đồng ($8,5 \text{ chỉ} \times 9.500.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ chỉ} = 80.750.000 \text{ đồng} \times 5\%$)

{Tính giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 9.500.000 đồng/01 chỉ vàng 24K (loại 9999)}.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 33, Điều 55, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1/Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Võ Kim N và anh Nguyễn Thanh D

2/Về con chung: giao con chung Nguyễn Ngọc Gia H, sinh ngày 17/9/2023 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc Nguyễn Thanh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng)

Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/01/2025 đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về tài sản chung:

- Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh D về việc yêu cầu chị N chia số tiền 10.500.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Thanh D D về việc yêu cầu chị N chia 17 chỉ 24 K, hiện chị N đang quản lý: chị Võ Kim N được hưởng 8,5 chỉ vàng 24K, anh Nguyễn Thanh D được hưởng 8,5 chỉ vàng 24K.

Buộc chị Võ Kim N có trách nhiệm hoàn lại cho anh Nguyễn Thanh D 8,5 chỉ (tám chỉ năm phân) vàng 24 K (loại 9999).

4/Về án phí: Chị Võ Kim N Chị phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm và 4.037.000 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0006093 ngày 18 tháng 11 năm 2024, còn lại 4.037.000 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng) chị N phải nộp thêm.

Anh Nguyễn Thanh D phải nộp 4.037.000 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 2.039.000 đồng (Hai triệu không trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít theo lai thu số No 0006176 ngày 02 tháng 01 năm 2025, còn lại số tiền 1.998.000 đồng (Một triệu chín trăm chín mươi tám nghìn đồng) anh D phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAT;
- VKSNDH;
- THADS;UBND xã C
- ;- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Võ Thị Tám